

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 06-6-2018

“V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Thảo

2/ Ông Lê Minh Chiển

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Liêm – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 08/3/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22/5/2018, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Lê Thị L, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: Khu vực T, phường N, thị xã A, tỉnh B

Nơi cư trú: Ấp S, xã P, huyện G, tỉnh T.

*** Bị đơn:** Anh Hồ Đình H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn A, xã N, thị xã A, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/02/2018 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:* Chị và anh Hồ Đình H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N vào năm 2002. Sau khi cưới, vợ chồng sinh sống tại thôn A, xã N. Cuộc sống bình thường cho đến năm 2005 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do anh H không quan tâm vợ con, lao vào con đường cờ bạc làm kinh tế gia đình khó khăn. Vì các con, chị đã cố gắng nhẫn nhịn khuyên nhủ anh H, nhưng anh H không nghe. Năm 2014, để anh H không qua lại với bạn bè xấu, cùng chị làm ăn và chăm sóc các con, nên vợ chồng quyết định vào tỉnh T lập nghiệp. Khi vào tỉnh T, anh H vẫn chứng nào tật nấy, không những không thay đổi mà càng lún sâu hơn vào con đường cờ bạc. Tháng 11/2017, vợ chồng mâu thuẫn, cãi vã, anh H bỏ về quê ở thôn A, xã N sinh sống và vợ chồng tự sống ly thân cho đến nay. Chị xác định hiện

không còn tình cảm với anh H, cuộc sống chung không thể kéo dài, nên yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: có 02 người con chung tên: Hồ Trí L1, sinh ngày 01/5/2003 và Hồ Duy Q, sinh ngày 20/5/2011, các cháu hiện đang sống với chị. Nếu ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2018 và trong quá trình tố tụng bị đơn anh Hồ Đình H trình bày:* Thống nhất lời trình bày của chị L về thời gian, điều kiện kết hôn và con chung. Anh xác định sau khi cưới, vợ chồng anh sinh sống ở thôn A, xã N, cuộc sống chung bình thường. Năm 2014, để thoát nông, vợ chồng anh quyết định vào tỉnh T lập nghiệp. Chị L phụ bán thuốc tây cho em của chị L, còn anh phụ trách đưa đón con đi học và lo công việc nội trợ. Thời gian đầu mới vào tỉnh T, cuộc sống vợ chồng bình thường cho đến tháng 11/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do lúc rảnh rỗi anh thường đi quán uống cà phê, chị L không đồng ý, nên vợ chồng có nói qua nói lại, chị L đuổi anh ra khỏi nhà. Anh quay về quê ở N sinh sống. Sau đó, anh có vào T để thăm con, nhưng chị L không cho anh vào nhà và đề nghị ly hôn. Anh nghĩ đó chỉ là lời nói lúc tức giận của chị L, anh không ngờ chị L làm thật. Anh xác định vẫn còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng. Vì các con, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người tên: Hồ Trí L1, sinh ngày 01/5/2003 và Hồ Duy Q, sinh ngày 20/5/2011, các cháu hiện đang sống với chị L. Nếu ly hôn, anh yêu cầu được nuôi cháu Hồ Duy Q, còn giao cháu Hồ Trí L1 cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung: Anh không tranh chấp, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị L giữ nguyên đơn yêu cầu khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn anh H.
- Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A phát biểu ý kiến:

- Về quan hệ tranh chấp: Chị Lê Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Hồ Đình H, nên Thẩm phán xác định quan hệ: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” là đúng quy định pháp luật.

- Về thẩm quyền thụ lý: Căn cứ quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A thụ lý là đúng thẩm quyền.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đối với vụ án từ giai đoạn thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

- + Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn anh Hồ Đình H.

+ Về con chung: Giao cho chị L trực tiếp nuôi con, chăm sóc, giáo dục 02 người con chung: Hồ Trí L1, sinh ngày 01/5/2003 và Hồ Duy Q, sinh ngày 20/5/2011. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên miễn xét.

+ Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thị xã A giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh H. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A.

Bị đơn anh Hồ Đình H đã được Tòa triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ theo điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã A tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị L và anh Hồ Đình H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, được UBND xã N, thị xã A cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/4/2002, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị L xác định, cuộc sống chung giữa chị và anh H chỉ hạnh phúc được 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh H ham mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình. Chị đã cố gắng chịu đựng, thậm chí để anh H tránh xa bạn bè xấu và cứu vãn cuộc hôn nhân, vợ chồng quyết định rời quê H vào tỉnh T lập nghiệp, sinh sống. Nhưng mọi cố gắng của chị không có kết quả. Anh H đã không thay đổi bản thân mà ngày càng lún sâu vào con đường cờ bạc. Tháng 11/2017, chị và anh H cãi vã. Anh H bỏ về quê sinh sống và vợ chồng đã tự chấm dứt cuộc sống hôn nhân. Qua các phiên hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, chị L cương quyết yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh H. Ngược lại, anh H xác định vẫn còn tình cảm với chị L, mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, nên yêu cầu được đoàn tụ.

Hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu, vợ chồng thương yêu, chia sẻ, giúp đỡ và tin tưởng lẫn nhau, đó là nền tảng của gia đình hạnh phúc. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống chị L và anh H đã không biết thông cảm, chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống, nên không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cãi vã và quyết định không sống chung với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H luôn mong muốn vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh không có biện pháp và cũng không có thiện chí để hàn gắn hạnh phúc gia đình, được thể hiện bằng việc anh đã không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa. Xét thấy mâu thuẫn của chị L và anh H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H xác định vợ chồng có 02 người con chung tên: Hồ Trí L1, sinh ngày 01/5/2003 và Hồ Duy Q, sinh ngày 20/5/2011, hiện đang sinh sống và học tập cùng chị L tại tỉnh T.

Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: Chị L yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H yêu

cầu được nuôi cháu Q và giao cháu L cho chị L nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Sự kiện ly hôn sẽ dẫn đến vợ chồng không cùng nhau chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, nên việc giao con cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con. Chị L với nghề nghiệp kinh doanh thuốc tây tại nhà, thu nhập ổn định, sẽ có nhiều thời gian và điều kiện chăm sóc các con tốt hơn anh H với nghề nghiệp là công nhân, làm theo ca, theo kíp. Hơn nữa, cháu L1 và cháu Q đã quen với môi trường sinh sống và học tập tại tỉnh T. Nếu chấp nhận theo yêu cầu của anh H, giao cho mỗi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng một người con sẽ ảnh hưởng đến tâm lý của các cháu, đó là sự chia rẽ sau khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, để ổn định tâm lý và tránh sự thay đổi trong cuộc sống và học tập của các cháu, xét thấy cần giao hai cháu L1 và Q cho chị L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của cả hai cháu L1 và Q mong muốn được ở với chị L.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận và miễn xét.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Hồ Đình H thống nhất không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 và Điều 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị L được ly hôn với anh Hồ Đình H
2. Về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung sau ly hôn: Giao cháu Hồ Trí L1, sinh ngày 01/5/2003 và cháu Hồ Duy Q, sinh ngày 20/5/2011 cho chị Lê Thị L tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị L không yêu cầu anh Hồ Đình H cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, các bên có quyền yêu cầu Tòa giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Lê Thị L và anh Hồ Đình H không yêu cầu Tòa giải quyết, nên miễn xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008573 ngày 08/3/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã A.

5. Quyền kháng cáo: Chị Lê Thị L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hồ Đình H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã A;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã A;
- UBND xã N;
- Lưu HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Văn Hà